TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIẾNG ANH
TIẾNG ANH 7 (từ 27/9 đến 2/10)

UNIT 2: PERSONAL INFORMATION
PART B (cont.): B4+B6+B7

A. VOCABULARY:

1. birth	(n):	sự sinh ra
→birthday	(n):	sinh nhật
→birthday party	:	tiệc sinh nhật
2. date	(n) :	ngày tháng
→ date of birth	:	ngày tháng sinh
3. year	(n) :	năm
4. nervous	(a) :	lo lắng, bồn chồn
5. to worry	(v) :	lo lắng
→ worried	(a) :	
6. to invite	(v) :	mời
→ invitation	(n) :	lời mời
→ invitation card	(n) :	thiệp mời
7. to finish = to end	:	kết thúc
8. to hope	(v) :	hy vọng
9. to join	(v) :	tham gia
10. fun	(n) :	niềm vui
11. to imagine	(v) :	tưởng tượng
12. leap year	(n) :	năm nhuận
13. guest	(n) :	khách
14. except	(v) :	ngoại trừ

B. GRAMMAR:

1. Hỏi ngày sinh nhật:

When + is + your/ her/ his/ tên's + birthday?

→ What + is + your/ her/ his/ tên's + date of birth?

Ex: When's your birthday?
→What's your date of birth?

2. Prepositions of time: (giới từ chỉ thời gian)

*ON: thứ, ngày tháng, ngày tháng năm
Ex: on Monday / on September 4th / on May 23th, 2021
*IN: tháng, năm, mùa
Ex: in June / in 2022 / in the summer
*AT: giờ, thời điểm chính xác
Ex: at 3 o'clock / at noon / at night

UNIT 3: AT HOME
PART A: WHAT A LOVELY HOME! (A1+A2)

A. VOCABULARY

1. lovely	(a) :	đáng yêu
→ Ex: She is a lovely girl.		
2. awful	(a) :	kinh khủng, tồi tệ
3. seat	(n) :	chỗ ngồi
→to sit	(v) :	ngồi
→have a seat = take a seat	:	
4. comfortable	(a) :	thoải mái, dễ chịu
5. to be at work	:	đang làm việc
6. to shop	(v) :	đi mua sắm
→go shopping		
7. bright	(a) :	sáng sủa
8. favorite	(a) :	yêu thích nhất
9. rest	(n) :	phần còn lại
→the rest of the house	:	phần còn lại của ngôi nhà
10. of course	(exp):	dĩ nhiên
11. bathroom	(n):	phòng tắm
12. sink	(n):	chậu rửa
13. tub	(n):	bồn tắm
14. shower	(n):	vòi sen
→take a shower	:	tắm vòi sen
15. modern	(a):	hiện đại
16. kitchen	(n):	nhà bếp
17. amazing	(a):	đáng ngạc nhiên
18. washing machine	(n):	máy giặt
19. dryer	(n):	máy sấy
20. refrigerator = fridge	:	tủ lạnh
21. dishwasher	(n):	máy rửa chén
22. electric stove	(n):	lò điện
23. convenient	(a):	tiện nghi

B. GRAMMAR: Exclamatory Sentence (câu cảm thán)

Câu cảm thán là loại câu dùng để bày tỏ cảm xúc hoặc thái độ (ngạc nhiên, thán phục, thú vị, tội nghiệp, ghê tởm, ….) trước một người.

What + (a / an) + adjective + noun!

Ex : What a beautiful girl!
What an old car !
What naughty boys! →danh từ số nhiều, ta không dùng: "a / an"
What hot weather! →danh từ không đếm được, ta không dùng: "a/ an"

EXERCISES

I. Choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

1. Lan will be thirteen ..... 5th May. (on/ in / at /
2. What's your ..... ? (date of birth / birth date / birthday / birth of date)
3. Nam ..... 9 on his next birthday. (is / will / will be / will is)
4. Why is he ..... ? (worries / worry / worried / to worry)
5. Will you be free ..... Sunday morning? (at / on / in / from)
6. Her birthday is on the twelfth .....August. (in/ on/ at/ of)
7. How old will you be on your ..... birthday? (now/ next/ last/ present)
8. I'll see you tomorrow. Don't ..... late. (is/ am/ are/ be)
9. Would you like ..... a movie? (see/ seeing/ to see/ sees)
10. The party will ..... about three hours. (start/ finish/ last/ invite)
11. ..... is her birthday? (What/ Where/ When/ Why)
12. Come in and ..... a seat. (have / give / do / takes)
13. What ..... lovely living room !(an / the / a / the)
14. What ..... awful day ! (an / a / the / these)
15. The weather is often cold ……the winter.(at/ in/ on/ of)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence.

1. go/ her/ We/ birthday/ will/ to/ party. →.....
2. weekend./ think/ will/ the/ free/ on/ I/ I/ be →.....
3. of/ invite/ friends./ some/ will/ She/ her →.....
4. at work/ is shopping./ My uncle/ is/ my aunt/ and →.....
5. the house?/ the rest/ Can I/ of/ see →.....

III. Supply the correct forms of the words in brackets

1. Her ..... is on June eighth. (birth)
2. She will ..... some of her friends on her next birthday. (invitation)
3. Don't ..... You'll have lots of new friends soon. (worried)
4. Lan gives the ..... card to her friends.(invite)
5. Let's have a seat. The armchair is very ..... (comfort)
6. Her English is ..... than mine. (good)
7. What a ..... room! (love)
8. This room is ..... than that room. (large)
9. My father is a ..... He works on his farm. (farm)
10. What a ..... bathroom! (beauty)

IV. Rewrite the following sentences, beginning with the words given.

1. What is your date of birth?

→When .....?

2. When is her birthday?

→What .....

3. What is Nam's date of birth?

→ When .....?

4.The weather is very cold.
→What .....!
5.The film is very interesting.
→What .....!
6.These books are very interesting.
→ What .....!
7.What is your mother's job?
→ What .....?
8.The dress is very expensive.
→ What.....!
9.The movie is very interesting .
→ What .....!
10.That chair is very old.
→ What .....!

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ DIỄM TRANG –SĐT : 0774985155

ex:

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIẾNG ANH
TIẾNG ANH 7(từ 27/9 đến 2/10)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HOC TẬP ANH 7- TUẦN 4

UNIT 2: PERSONAL INFORMATION

B 4. Listen. Then practice with a partner:

Now answer:

a) Hoa is 13 now.
b) She'll be 14 on her next birthday.
c) Her birthday is on June 8th.
d) Hoa lives with her uncle and aunt.
e) Because she doesn't have any friends.

B 6. Read then complete the card:

Dear **Nga**

I am having a birthday party on **Sunday,May 25th**.
The party will be at my house at **24 Ly Thuong Kiet street**
from **five o'clock** to **nine.**
I hope you will come and join the fun.
Love
Lan

B 7. Think and write:

Hướng dẫn học sinh tự làm

UNIT 3: AT HOME

A 1. Listen. Then practice with a partner:

Now answer:

a) They talk about the living room, the bathroom, the kitchen and Hoa's room.
b) Because it is bright and it has nice colors.
c) It has a sink, a tub and a shower.
d) It has everything: washing machine, dryer, refrigerator, dishwasher, electric stove…

BÀI SỬA BÀI TẬP TUẦN 3

I. Choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

1. Miss Mai says she ..... call you some time. (going to/ will/ shall/ will not)
2. When you need me, I ..... to help you. (will come/ am go to come/ come/ want to come)
3. Phuong and Thanh ..... 13 next month. (shall be/ are going to be/ are/ will be)
4. 8320795 ..... my telephone number. (are/ is/ will be/ shall be)
5. Where will we meet, Mai? We will meet ..... school. (on the/ at/ into the/ at the)
6. Where will we meet? We'll meet ..... the cinema. (in front / next / on / in front of)
7. Will you be free tomorrow evening? ..... (Yes, I am / Yes, I do / Yes, I will / Yes, I can)
8. She doesn't have ..... friends. (a lot of / some / any / a few)
9. He's playing football..... the moment. (in/ on / at / from)
10. It's very kind ..... you to help me. (of / from / in / on)
11. She ..... at home now. (will be / is being / is / can be)

12. ..... is your telephone number? (What/ Where/ When/ How)
13. Tomorrow ..... Sunday. We'll go on a picnic. (is/ are/ will/ will is)
14. You will have .....of friends soon. (many/ a lot/ lot/ much)
15. Would you like ..... a movie? (see/ seeing/ to see/ sees)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence.

1. the / will/ We/ movie theater./ meet/ in front of
   →We will meet in front of the movie theater.
2. movie?/ Would/ like/ a/ to see/ you
   →Would you like to see a movie?
3. six/ She/ back/ o'clock./ will be/ at
   →She will be back at six o'clock.
4. will/ tomorrow./ I/ you/ see
   →I will see you tomorrow.
5. speak/ Can/ to/ I/ Mai,/ please.
   →Can I speak to Mai, please?

III. Supply the correct forms of the words in brackets.

1. I don't have any friends. I won't be .....**happy**..... (unhappy)
2. This house is ……**better**…….than that one. (good)
3. Minh lives with .....**his**..... uncle and aunt in Hanoi. (he)
4. He.....**will go**..... to the museum tomorrow. (go)
5. Look! The boys .....**are playing**..... soccer in the school yard.(play)

IV. Rewrite the following sentences, beginning with the words given.

1. Would you like to see a movie?
   →Let's see a movie.
2. Do you want a cup of tea?
   →Would you like a cup of tea?
3. What is her address?
   →Where does she live?
4. Where does Lan live?
   → What is Lan's address?
5. Let's go to the zoo this weekend.
   → Would you like to go to the zoo this weekend?
6. Where does he live?
   → What is his address?

7.Where does your sister live?
   → What is your sister's address?

8.What is Mr Nam's address?
   →Where does Mr Nam live?

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ DIỄM TRANG –SĐT : 0774985155

MÔN CÔNG NGHỆ 7

GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771

Tuần 4 từ 27/9 đến 2/10

TIẾT 4 BÀI 4+5: THỰC HÀNH

- **XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN (Vê tay)**
- **XÁC ĐỊNH ĐỘ PH CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU**

I/ XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN (Vê tay)

1/ Vật liệu và dụng cụ cần thiết

- Đất
- Lọ đựng nước, ống hút nước
- Thước đo

2/ Quy trình thực hành

Bước 1: Lấy một ít đất bằng viên bi cho vào lòng bàn tay

Bước 2: Nhỏ vài giot nước cho đủ ẩm

Bước 3: Dùng hai bàn tay vê đất thành thỏi có đường kính khoảng 3cm

Bước 4: Uốn thỏi đất thành vòng tròn có đường kính khoảng 3cm

II/ XÁC ĐỊNH ĐỘ PH CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU

1/ Vật liệu và dụng cụ cần thiết

- Đất
- Giấy đo pH
- Thang màu pH chuẩn

2/ Quy trình thực hành

- Bước 1: Lấy 1 muỗng đất hòa với 5 muỗng nước
- Bước 2: Dùng đũa khuấy đều để yên cho lắng cặng
- Bước 3: Nhúng giấy đo pH vào phần nước trong
- Bước 4: So màu với thang màu pH chuẩn rồi đọc kết quả.

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 27/09/2021 đến ngày 2/10/2021)

Bài 7: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

A. LÝ THUYẾT

I. Vị trí: Nam Á và Đông Nam Á

II. Khí hậu: có hai đặc điểm nổi bật là:

- Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió.
- Thời tiết diễn biến thất thường.

III. Các đặc điểm khác của môi trường

- Môi trường nhiệt đới gió mùa là kiểu môi trường đa dạng và phong phú .
- Gió mùa ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống con người.
- Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực thích hợp cho việc trồng cây lương thực (đặc biệt lúa nước) và cây công nghiệp: đây là những nơi sớm tập trung đông dân trên thế giới.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Lập bảng so sánh giữa 2 loại gió mùa:

Loại gió mùa **Đặc điểm**	**Gió mùa mùa hạ**	**Gió mùa mùa đông**
Phạm vi hoạt động		
Hướng thổi		
Tính chất		
Đặc điểm khí hậu		

D. DẶN DÒ

Học thuộc phần I + II.

Bài 10: DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

A. LÝ THUYẾT

I. Dân số

- Đới nóng tập trung gần một nửa dân số thế giới.
- Dân số tăng nhanh dẫn đến bùng nổ dân số đã tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường.

II. Sức ép của dân số đến tài nguyên và môi trường

- Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của số dân, tài nguyên thiên nhiên được khai thác với tốc độ nhanh làm cho nguồn tài nguyên sớm cạn kiệt.
- Sự bùng nổ dân số ảnh hưởng xấu đến môi trường: Cạn kiệt tài nguyên rừng, tăng nhanh tốc độ đô thị hoá, làm ô nhiễm không khí và nguồn nước, dất bị bạc màu, khoáng sản bị cạn kiệt, thiếu nước sạch.
- Để giảm bớt sức ép dân số tới tài nguyên cần phải:

+ Giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế.

+ Nâng cao đời sống của người dân trong đới nóng sẽ có tác động tích cực tới tài nguyên và môi trường.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

1. Sự gia tăng dân số ở TP.Hồ Chí Minh trong những năm gần đây ảnh hưởng đến đời sống, vật chất và môi trường tại TP.HCM như thế nào?
2. Nêu một vài dẫn chứng để thấy rõ sự khai thác rừng quá mức sẽ có tác động đến môi trường?

D. DẶN DÒ

- Học thuộc bài.
- Xem trước bài 12 thực hành.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Thắng

-SĐT: 0962253101

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: SỬ- GDCD

MÔN GDCD. KHỐI 7

TUẦN 4 : TỪ NGÀY 27/9 ĐẾN NGÀY 2/10/2021

BÀI 4: TỰ TIN (1 tiết)

A. LÝ THUYẾT

NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Tự tin: là tin tưởng vào khả năng của bản thân
2. Biểu hiện:
   - Chủ động trong công việc
   - Dám tự quyết định một cách chắc chắn, không hoang mang dao động
   - Hành động cương quyết, dám nghĩ, dám làm
3. Ý nghĩa:
   - Tự tin giúp con người có thêm sức mạnh, nghị lực và sức sáng tạo làm nên sự nghiệp lớn.
   - Không tự tin con người sẽ trở nên yếu đuối và nhỏ bé.
4. Rèn luyện: *(Huóng dẫn HS thực hành)*

*** Ca dao, tục ngữ:

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- Có cứng mới đứng đầu gió.
- Thua keo này ta bày keo khác.

B. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu về khái niệm tự tin

1. Truyện đọc: *Trịnh Hải Hà và chuyến du học Xin-ga-po*

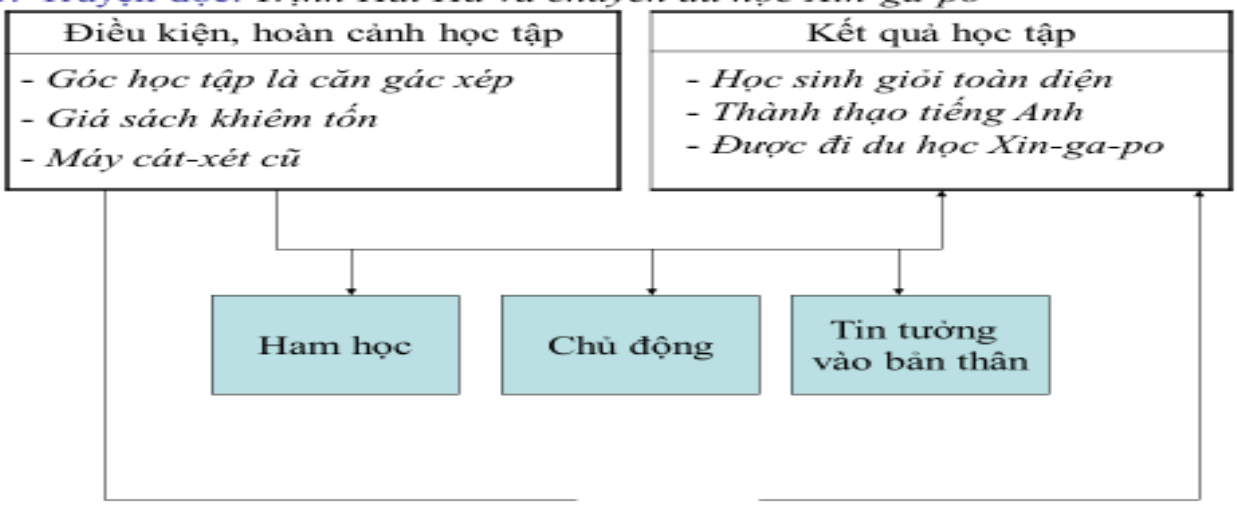

Một số tấm gương cần noi theo về sự tự tin trong nhiều lĩnh vực

Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký lên 4 tuổi đã bị liệt 2 tay, 7 tuổi tập viết bằng chân. Với sự tự tin vào khả năng của bản thân mình, ông đã vượt lên sự bất hạnh của số phận trở thành một nhà giáo ưu tú viết bằng chân. Cũng đôi chân ấy, ông đã viết sách, làm thơ, dạy học để vẽ nên một huyền thoại, một tấm gương vượt khó như biểu tượng cho nhiều thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam noi theo.

Những vận động viên tham gia Đại hội TD TT dành cho người khuyết tật , có người bị mù cả đôi mắt, có người bị mất đi một bộ phận trên cơ thể của mình; nhưng với sự tự tin vào bản thân mình, họ đã vượt qua những trận đấu gay go đem vinh quang về cho đất nước…

Câu hỏi: Qua câu chuyện trên và một số hình ảnh tiêu biểu em hiểu tự tin là gì?

(Hs đọc nội dung bài học)

2. Tìm các biểu hiện của tự tin:

Tìm những biểu hiện, việc làm tự tin và thiếu tự tin theo mẫu.

Những hoạt động	Tự tin	Thiếu tự tin
Học tập	- Chủ động, tự giác - Mạnh dạn hỏi thầy, hỏi bạn	- Ngại học, ngại hỏi - Không dám dơ tay...
Lao động	- Tự giác, nhiệt tình - Không ngại việc khó	- Ngại việc, sợ việc
Thể dục, thể thao	- Hăng say tập luyện	Hồi hộp, lo lắng
Kết quả	- Có sức mạnh, nghị lực - Làm nên sự nghiệp lớn	- Khó thành công - Yếu đuối, bé nhỏ

Phân biệt

Tự tin	Tự lực, tự lập	Tự ti	Tự cao, tự đại
Tự tin : *Tin tưởng vào bản thân, chủ động, cương quyết, dám nghĩ, dám làm.*	- Tự lực : *Tự làm lấy, tự giải quyết những công việc của bản thân* - Tự lập: *Tự xây dựng cuộc sống cho mình, không dựa dẫm, phụ thuộc*	Tự ti: *Không tin tưởng vào bản thân, luôn cho mình kém cỏi, yếu đuối, sống thu mình.*	Tự cao, tự đại : *Tự cho mình là nhất, là hơn người khác, coi thường người khác, không cần hợp tác với ai*

Tình huống:

Giờ kiểm tra toán, cả lớp đang chăm chú làm bài. Hân làm xong bài, nhìn sang bên trái, thấy đáp số của Hoàng khác đáp số của mình, Hân vội vàng chữa lại bài. Sau đó, Hân quay sang phải, thấy Tuấn làm khác mình, Hân cuống lên định chép nhưng đã muộn, vừa lúc đó, cô giáo nhắc cả lớp nộp bài.

Em hãy nhận xét hành vi của Hân trong tình huống trên.

Hướng dẫn trả lời : - Hân không tin tưởng vào bài làm của mình

- Hoang mang, dao động, lập trường không vững chắc

- Vi phạm quy chế kiểm tra

=> Thiếu tự tin vì ôn bài chưa tôt.

3. Tìm hiểu về ý nghĩa và cách rèn luyện của tự tin:

Ca dao, tục ngữ thể hiện tự tin

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo

Có cứng mới đứng đầu gió

Khuyên người ta phải có lòng tự tin, trước khó khăn, thử thách không nản lòng, chùn bước

Nhờ có lòng tự tin, có nghị lực và quyết tâm thì con người mới có khả năng và dám đương đầu với khó khăn, thử thách

C. BÀI TẬP

- **Học sinh làm bài tập b,d/ SGK trang 35.**
- **Nghiên cứu bài: Yêu thương con người và bài Đoàn kết tương trợ/SGK**

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:
Cô Nguyễn Thị Dung . SĐT: 0976208153

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ LÝ HÓA

MÔN VẬT LÝ - KHỐI 7

(Từ ngày 27/09/2021 đến ngày 2/10/2021)

CHỦ ĐỀ 4: ĐỊNH LUẬT PHẢN XẠ ÁNH SÁNG

A. LÝ THUYẾT

I. Gương phẳng

- Gương phẳng là một phần của mặt phẳng, nhẵn, bóng, có thể soi hình của các vật.

- Hình của một vật quan sát được trong gương phẳng gọi là ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.

II. Định luật phản xạ ánh sáng

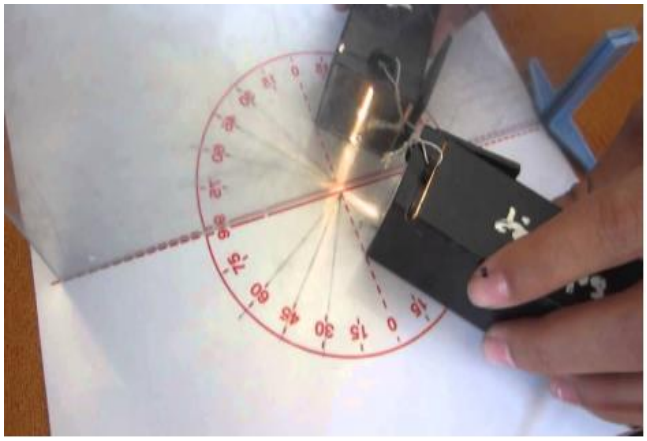

a) Hiện tượng phản xạ ánh sáng

Hiện tượng phản xạ ánh sáng là hiện tượng ánh sáng bị hắt trở lại khi gặp một bề mặt nhẵn bóng.

b) Định luật phản xạ ánh sáng (quan trọng)

Nội dung định luật:

- Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến của gương tại điểm tới.

- Góc phản xạ bằng góc tới.

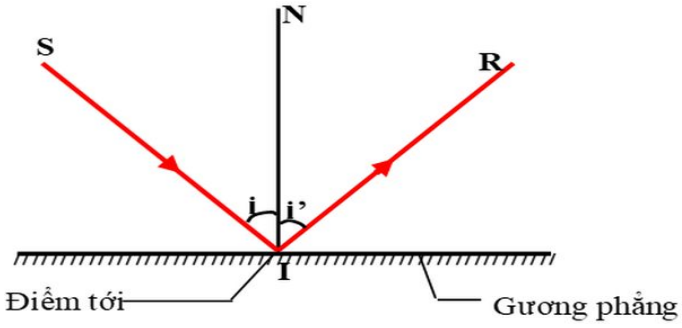

CÁC KÍ HIỆU THƯỜNG GẶP

I: Điểm tới

IN: Pháp tuyến

SI: Tia tới

IR: Tia phản xạ

$\widehat{SIN}$ = i : Góc tới

$\widehat{NIR}$ = i' : Góc phản xạ

❖ VÍ DỤ MINH HỌA

Chiếu một tia sáng đến gương phẳng hợp với gương một góc là 30^0.

a) Hãy vẽ tia phản xạ?

b) Tính số đo góc phản xạ?

Hướng dẫn

a) CÁCH VẼ HÌNH

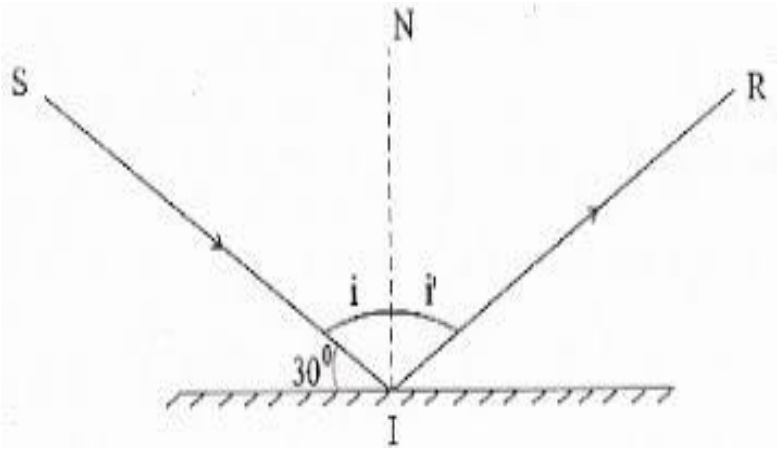

Bước 1:

Vẽ gương phẳng, xác định điểm tới I.

Bước 2:

Dùng thước đo độ đặt thước nằm ngang,

đo góc 30^0, lấy đối xứng qua pháp tuyến thì đo góc còn lại cũng 30^0.

b) Tính số đo góc phản xạ i'

Từ hình vẽ ta có, tia tới SI hợp với gương 1 góc 30^0 nên:

$i = 90^0 - 30^0 = 60^0$

Theo định luật phản xạ ánh sáng $i = i' = 60^0$

Vậy số đo góc phản xạ là 60^0

B. BÀI TẬP

Câu 1: Chiếu một tia sáng đến gương phẳng hợp với gương một góc là 50^0.

a) **Hãy vẽ tia phản xạ?**

b) **Tính số đo góc phản xạ?**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Chiếu một tia sáng đến gương phẳng hợp với gương một góc là 35^0.

a) **Hãy vẽ tia phản xạ?**

b) **Tính số đo góc phản xạ?**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

✡DẶN DÒ:

- **Phần bài học chép vào vở phần A lý thuyết**
- **Phần bài tập nghiên cứu thêm SGK để làm bài tập phần B**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- **1. Cô Oanh SĐT: 0374.560.523**
- **2. Cô Tâm SĐT: 0985.405.419**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT - KHỐI 7

(Từ ngày 27/9/2021 đến ngày 2/10/2021)

Chủ đề: "VẼ TRANG TRÍ"

Bài 4: TẠO HỌA TIẾT TRANG TRÍ

A. LÝ THUYẾT

I. Quan sát, nhận xét:

- Họa tiết trang trí thường là hình hoa, lá, chim, thú, mây, nước, mặt trời, mặt trăng,... Đó là những hình ảnh thiên nhiên gắn bó với đời sống con người.
- Các họa tiết trang trí thường được vẽ đơn giản, cách điệu mà vẫn giữ được đặc điểm của mẫu.

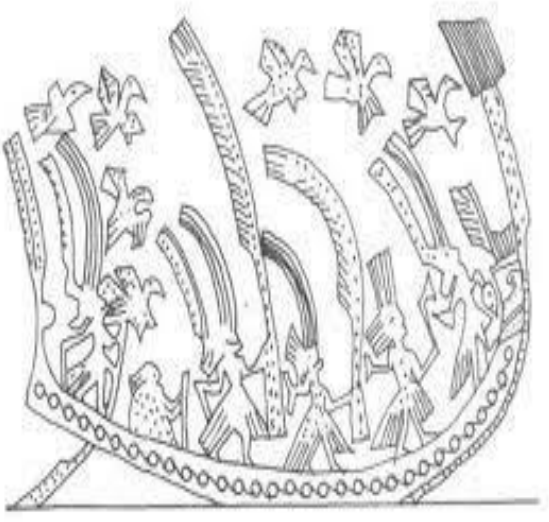

II. Cách tạo họa tiết trang trí:

1. Lựa chọn nội dung họa tiết

- Chọn những loại hoa, lá, chim, thú có hình dáng đẹp, có những đường nét rõ ràng, hài hòa, cân đối.
- Ví dụ:
    + Các loại hoa lá: lá sắn, lá mướp, lá gấc, lá trầu không, lá bưởi, lá cúc,...
    + Các loại hoa: hoa sen, hoa cúc, hoa bìm bìm, hoa rau muống, hoa mướp, hoa bèo, hoa bưởi,...
    + Các cành, các cụm hoa, lá, quả,...
    + Các con vật: con gà, con vịt, con tôm, con cá, con chim,...

2. Quan sát mẫu thật

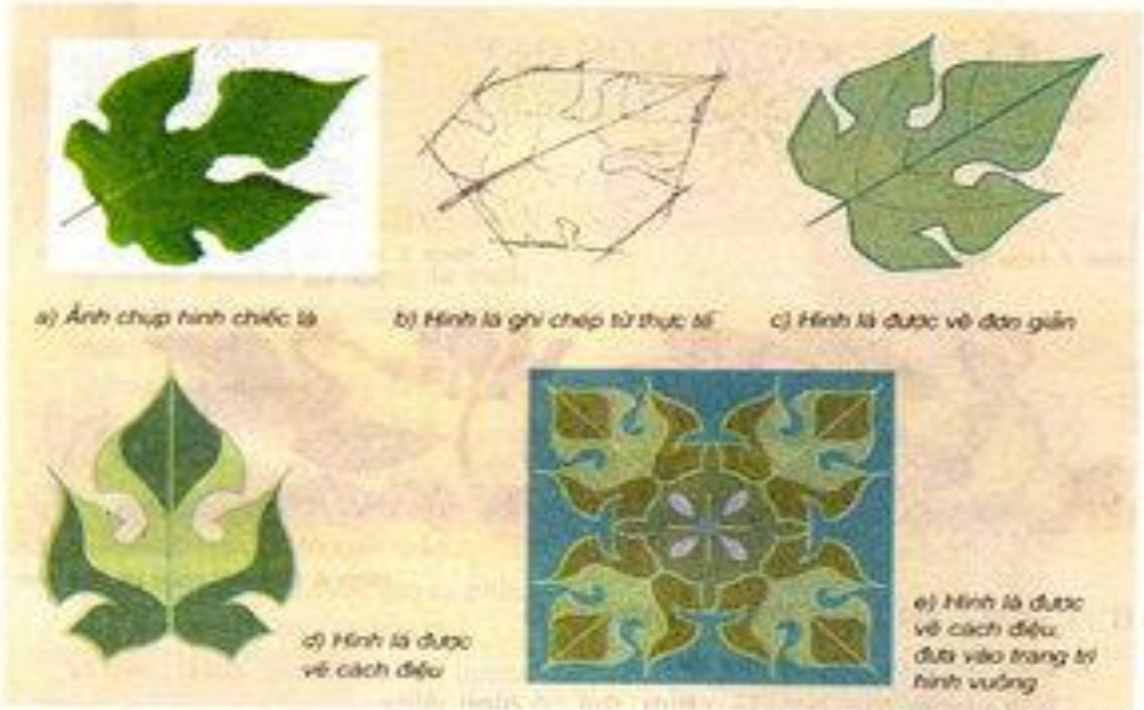

Hình 6. Cách tạo hoạ tiết trang trí

3. Tạo họa tiết trang trí
- Đơn giản: lược bỏ các chi tiết không cần thiết.
- Cách điệu: Sắp xếp lại các chi tiết hình và nét sao cho hài hòa, cân đối, rõ ràng hơn; cũng có thể thêm hoặc bớt 1 số nét, nhưng phải giữ được đặc trưng của hình dạng mẫu.

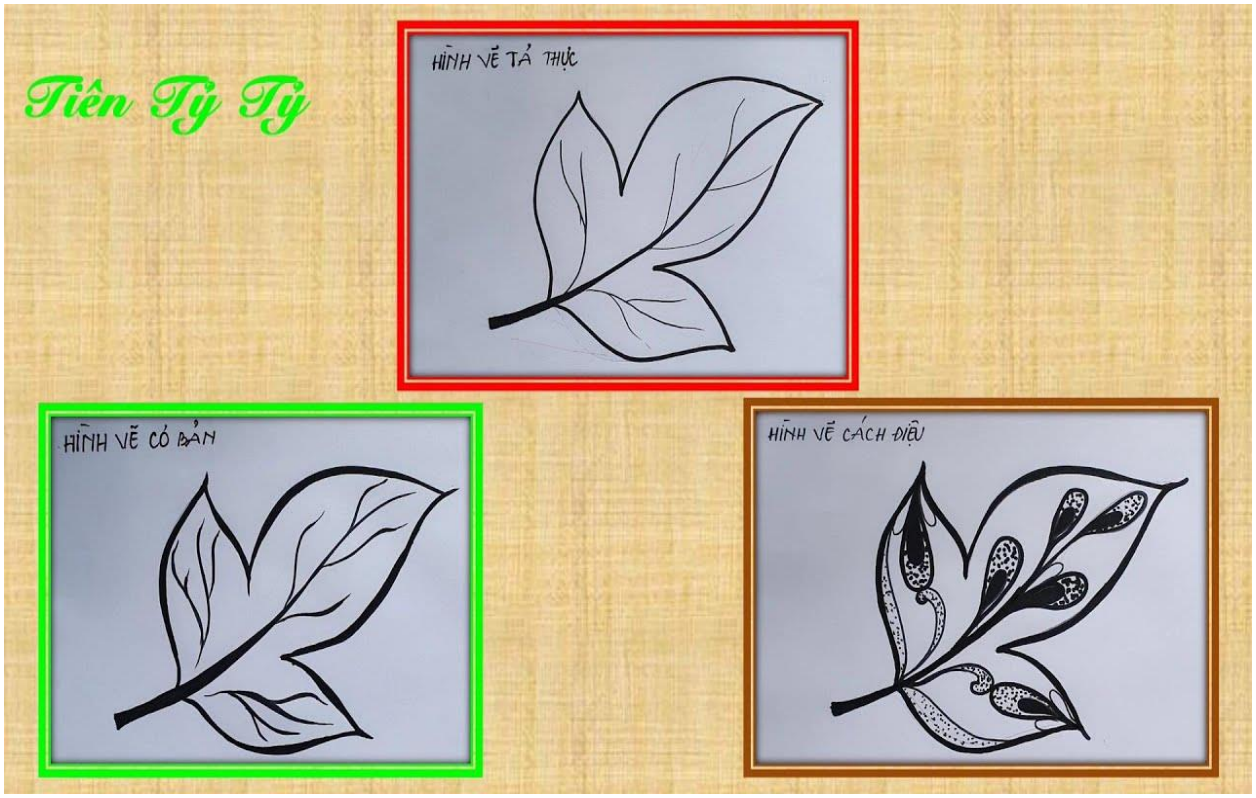

B. BÀI TẬP

Tạo 1 họa tiết trang trí từ mẫu thật (hoa, lá, quả, con vật, đồ vật…) trong tập hoặc trên giấy A4.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Hoàng Phương SĐT: 0383871263

Trường: THCS PHAN CÔNG HỚN

Tổ: Âm nhạc – Mỹ Thuật

MÔN: ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 27/9/2021 đến 2/10/2021)

BÀI 2 - Tên chủ đề: DI SẢN VĂN HÓA(3 tiết)

A. Phần lý thuyết:

Tiết 4

Học hát: Lý cây đa

Bài đọc thêm: Hội Lim

- Giới thiệu sơ lược đôi nét về dân ca – dân ca Quan họ Bắc Ninh.
- Giới thiệu các loại hình văn hóa Việt Nam được thế giới công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại: Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Ca trù, Hát xoan, Nhã nhạc cung đình Huế, Hát ví dặm Nghệ Tĩnh, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Đờn ca tài tử Nam Bộ, Hát bài chòi Quảng Nam
- Tìm hiểu bài hát về: nhịp, kí hiệu âm nhạc.
- Nội dung bài hát: *Bài hát gợi lại không khí vui tươi của ngày hội Quan họ.*

B. Bài tập:

- Học thuộc lòng bài hát.
- Tìm thêm các bài hát về chủ đề dân ca.
- Tập trình bày 1 bài hát theo chủ đề theo hình thức đơn ca hoặc song ca.
- Đọc bài đọc thêm.

Lí cây đa

Dân ca quan họ Bắc Ninh

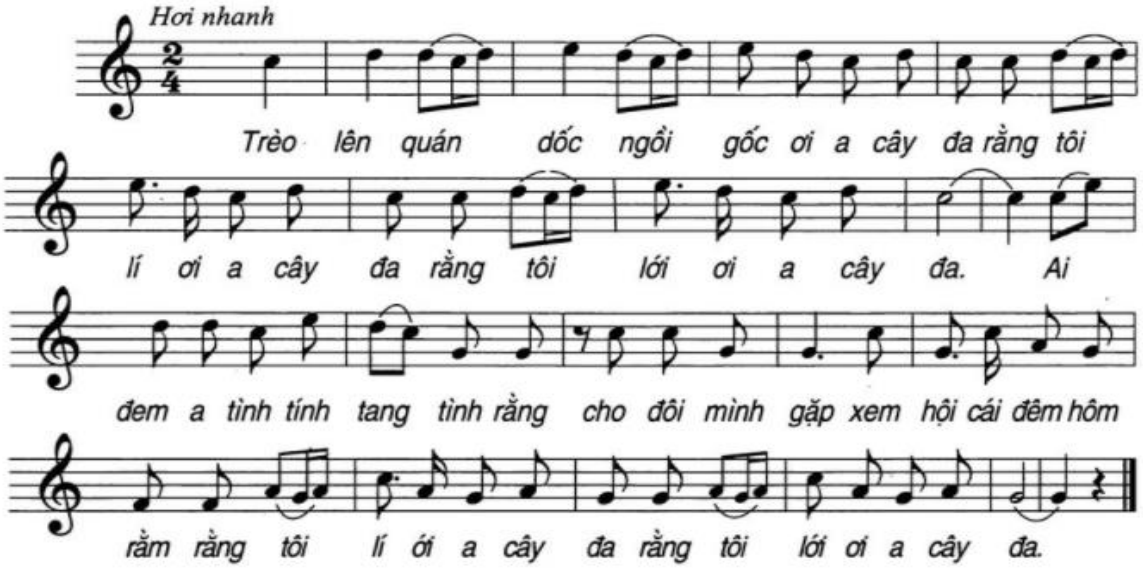

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ theo GVBM - Huyền Trang: 0979838830

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh

SINH HỌC 7 – TUẦN 4

(từ 27/09/2021 đến 2/10/2021)

Tiết 7: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ THỰC TIỄN CỦA NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

- Kích thước ……,cơ thể có 1 tế bào nhưng đảm bảo mọi chứng năng sống.
- Dinh dưỡng: phần lớn…….
- Di chuyển bằng: ……,……..,……,……..
- Sinh sản vô tính bằng ……..

Các em hãy đọc thông tin và quan sát hình trong sách giáo khoa bản giấy(hoặc điện tử) để chọn những cụm từ thích hợp sau điền vào chỗ trống ở trên.(*hiển vi, Lông bơi, phân đôi, roi, dị dưỡng, chân giả, tiêu giảm)*

II. VAI TRÒ:

1. Có lợi:

- Làm thức ăn cho động vật nhỏ: …….
- Làm sạch môi trường nước: ……
- Có ý nghĩa về mặt địa chất: …….

2. Có hại:

- Gây hại cho động vật: ……
- Gây bệnh cho người: ……..

Các em hãy đọc thông tin và quan sát hình trong sách giáo khoa bản giấy(hoặc điện tử) để chọn những cụm từ thích hợp sau điền vào chỗ trống ở trên.*(trùng giày, trùng roi xanh, trùng lỗ, cầu trùng, trùng kiết lị, trùng sốt rét)*

- ***CÂU HỎI CỦNG CỐ KIẾN THỨC:***
  1. Nêu cấu tạo bào xác và ý nghĩa của bào xác đối với động vật nguyên sinh?
  2. Nêu cách phân biệt giữa muỗi Anophenles và muỗi thường? Tại sao cần phải phân biệt chính xác chúng

CHỦ ĐỀ 2: ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

Tiết 8 : NGÀNH RUỘT KHOANG

I.THỦY TỨC:

1. Nơi sống: sống bám trên các cây thủy sinh.

2. Hình dạng ngoài: cơ thể hình thụ, đối xứng …….

3. Di chuyển: kiểu sâu đo và kiểu lộn đầu.

4. Cấu tạo trong:

- Thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào: lớp ngoài và lớp trong, ở giữa là ……..

- Cơ thể gồm nhiều loại tế bào có cấu tạo phân hóa.

- Lỗ miệng thông với khoang cơ thể ở giữa …….

5. Dinh dưỡng:

- Tua miệng chứa nhiều tế bào gai -> chức năng: …… và tự vệ.

- Quá trình tiêu hóa thực hiện trong ruột túi nhờ tế bào …….

- Chất thải được thải ra ngoài qua ……..

6. Hô hấp: qua thành cơ thể

7. Sinh sản: vô tính bằng cách ……., tái sinh; hữu tính bằng cách thụ tinh (trứng kết hợp với tinh trùng)

Các em hãy đọc thông tin và quan sát hình trong sách giáo khoa bản giấy(hoặc điện tử) để chọn những cụm từ thích hợp sau điền vào chỗ trống ở trên. *(tỏa tròn, tầng keo mỏng, bắt mồi, mô cơ tiêu hóa, mọc chồi, lỗ miệng, ruột túi)*

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (0389097016)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 – TUẦN 4

(Từ 27/09/2021 đến 02/10/2021)

Nội dung: Ôn Bài thể dục phát triển chung với cờ 6 động tác (Vươn thở, Tay, Chân, Lườn, Bụng, Phối hợp).

Học mới: Động tác (Thăng bằng, Nhảy, Điều hòa).

A. <u>Ôn tập: Bài thể dục phát triển chung với cờ lớp 7:</u>

1. Kiểm tra bài cũ: Học sinh thực hiện lại các động tác đã học ở tiết trước của bài thể dục (Vươn thở, Tay, Chân, Lườn, Bụng, Phối hợp) – Nhận xét đánh giá.
2. Khởi động: Thực hiện một số động tác xoay các khớp – căng cơ – ép dẻo. (Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).
3. Ôn lại 6 động tác (Vươn thở, Tay, Chân, Lườn, Bụng, Phối hợp) – cả lớp (2 lần).

B. <u>Học mới: Bài thể dục phát triển chung với cờ lớp 7 (3 động tác: Thăng bằng, Nhảy, Điều hòa):</u>

(Xem clip mẫu – Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện làm theo).

+ ***<u>Động tác Thăng bằng:</u>***

- **TTCB:** Tư thế đứng nghiêm, 2 tay cầm cờ hướng xuống đất.
- **Nhịp 1:** Đưa chân trái ra sau, mũi chân chạm đất đồng thời hai tay đưa ra trước – lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau , cờ hướng lên cao, mặt ngữa mắt nhìn theo cờ, trọng tâm dồn vào chân phải (Hít vào).
- **Nhịp 2:** Nâng chân trái lên cao ở phía sau đồng thời ngã thân trên về trước, ngực ưỡn, hai tay đưa ra trước – dang ngang, bàn tay sấp, cờ hướng sang hai bên, hai chân thẳng, mặt hướng về trước và giữ thăng bằng (Thở ra).
- **Nhịp 3:** Về như nhịp 1 (Hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (Thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 đưa chân phải ra sau, nhịp 6 thăng bằng trên chân trái.

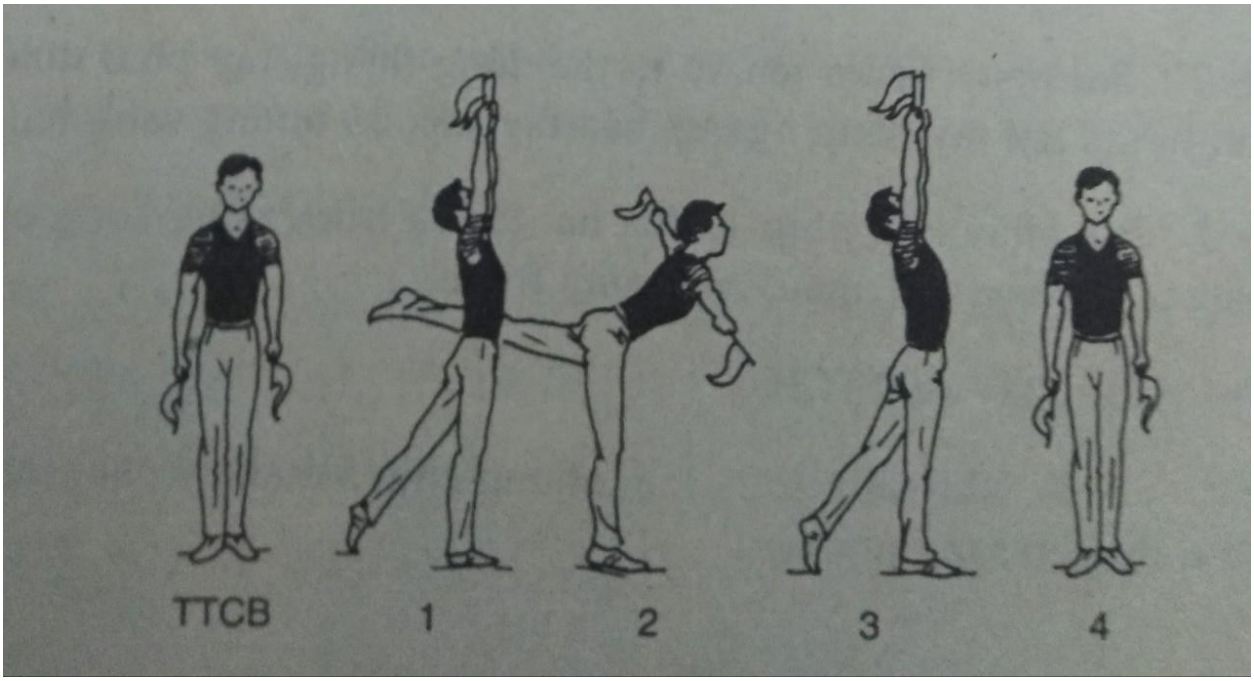

+ ***<u>Động tác Nhảy:</u>***

- **TTCB:** Như trên.
- **Nhịp 1:** Bật nhảy người lên sau đó rơi xuống ở tư thế hai chân rộng bằng vai, tay trái đưa cờ sang ngang, bàn tay sấp.
- **Nhịp 2:** Bật nhảy người lên về tư thế đứng thẳng, tay phải đưa cờ sang ngang thành tư thế hai tay dang ngang, bàn tay sấp, cờ hướng sang hai bên.
- **Nhịp 3:** Bật nhảy như nhịp 1, đưa hai tay ra trước song song cao ngang vai, lòng bàn tay hướng vào nhau, cờ hướng trước.
- **Nhịp 4:** Bật nhảy về TTCB.
- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 đưa tay phải sang ngang và nhịp 6 tay trái đưa cờ sang ngang.
-

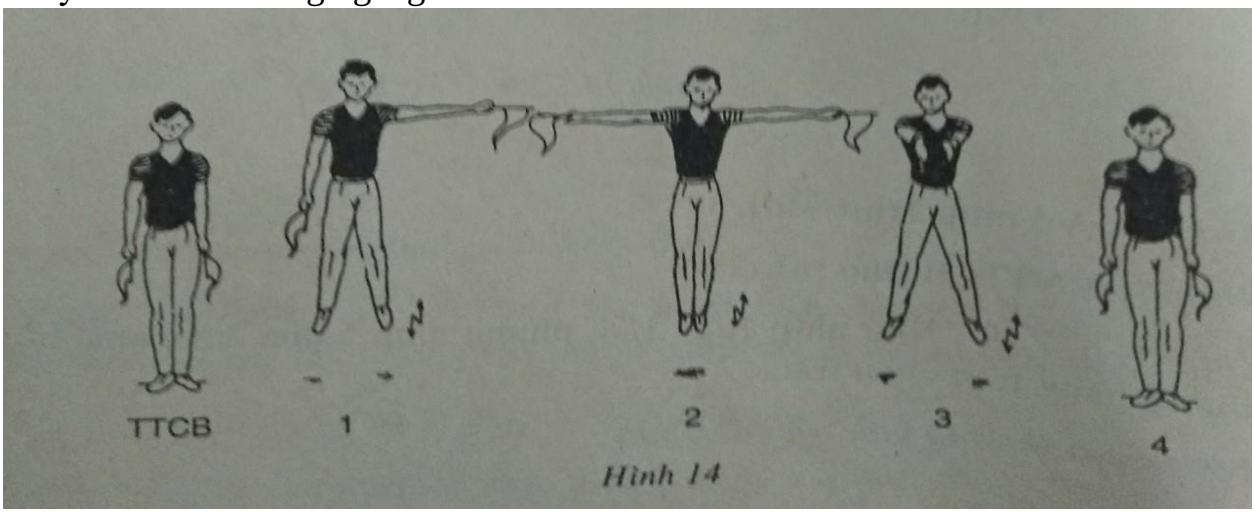

+ ***<u>Động tác Điều hòa:</u>***

- **TTCB:** Như trên.
- **Nhịp 1:** Nâng gối chân trái lên cao một cách nhẹ nhàng, đồng thời hai tay đưa cờ ra trước cao ngang vai và rung lắc cổ tay (Hít vào).
- **Nhịp 2:** Về TTCB (Thở ra).
- **Nhịp 3:** Nâng gối chân phải lên cao một cách nhẹ nhàng đồng thời hai tay đưa cờ sang ngang và rung lắc cổ tay (Hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (Thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8** như nhịp 1,2,3,4.

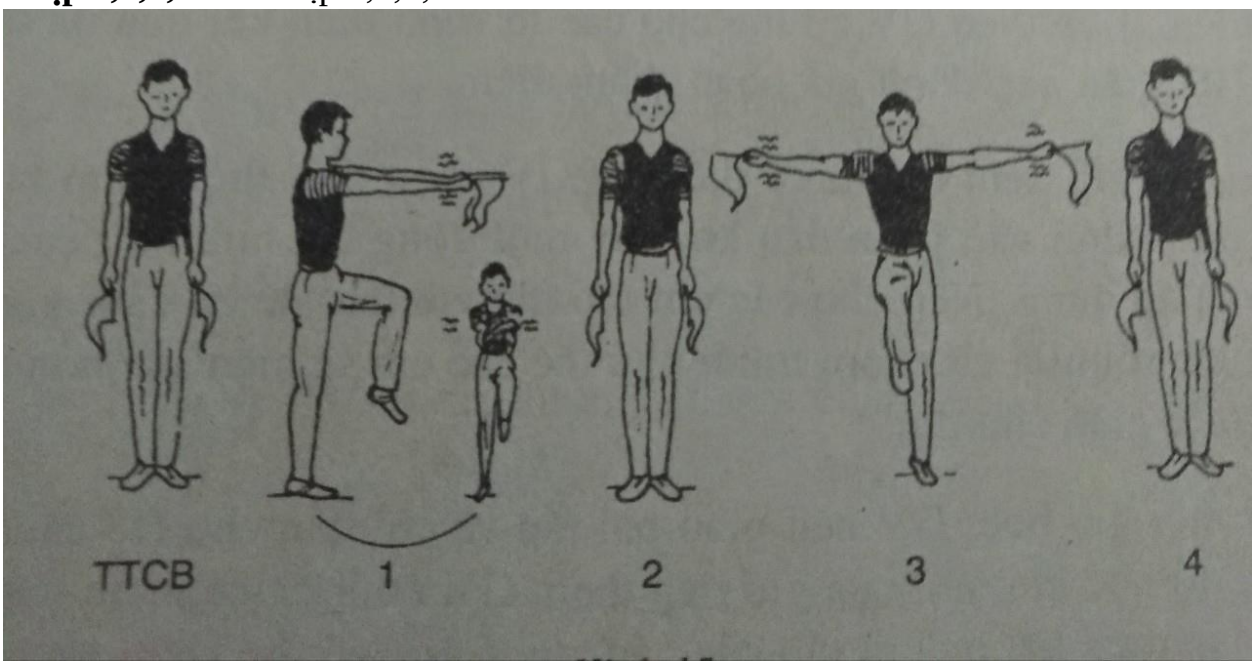

- **Sau khi thực hiện xong 3 động tác mới thì học sinh tập luyện lại từ động tác 1 đến 9 (1 lần) – thực hiện theo clip mẫu.**

❖ ***Phiếu học tập: Các em về nhà xem tài liệu và clip mẫu của bài thể dục với cờ đã gởi, nhớ tập luyện thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác. Tuần sau tiếp tục kiểm tra thường xuyên và ôn tập toàn bài.***

❖ ***Thường xuyên luyện tập bài tập phát triển thể lực và nâng cao sức khỏe.***

-HẾT-

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIN HỌC

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 27/09/2021 đến ngày 2/10/2021)

CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH

TIẾT 2 – BÀI 1:

CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?

1. Nhập dữ liệu vào trang tính

a. Nhập và sửa dữ liệu

- Nhập :

B1: Nhấp chuột vào ô chọn

B2: Nhập nội dung từ bàn phím

B3: Nhấn Enter hoặc dùng phím mũi tên

- Sửa dữ liệu :

Nhấp đúp chuột vào ô chọn và thực hiện tương tự như soạn thảo văn bản .

b. Di chuyển trên bảng tính :

- Sử dụng phím mũi tên trên bàn phím

- Sử dụng chuột và các thanh cuốn

c. Gõ tiếng việt trên trang tính:

- Hai kiểu gõ tiếng việt phổ biến hiện nay là:

+ Kiểu VNI

+ Kiểu Telex.

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIN HỌC

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 27/09/2021 đến ngày 2/10/2021)

PHIẾU HỌC TẬP

Điền vào chỗ trống:

1. Các bước nhập dữ liệu vào ô tính:

B1: ……(1)…….

B2: ……(2)…….

B3: ……(3)……..

2. Sửa dữ liệu :

Nhấp (4)…….. vào ô chọn và thực hiện tương tự như soạn thảo văn bản .

3. Di chuyển trên bảng tính :

- Sử dụng phím (5)……. trên bàn phím

- Sử dụng (6)……. và các thanh cuốn

4. ***Gõ tiếng việt trên trang tính:***

- Hai kiểu gõ tiếng việt phổ biến hiện nay là:

+ Kiểu (7)…….

+ Kiểu (8)…….

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TOÁN

PHIẾU HỌC TẬP

(từ ngày 27/09 – 02/10)

Bài 1. Tính

$a)\left(\frac{-2}{3}\right)^4 =$ $\quad$ b)$\left(-1\frac{5}{7}\right)^2 =$ $\quad$ c)$\left(2\frac{1}{3}\right)^3 =$ $\quad$ d)$(0,4)^4 =$

Hướng dẫn:

$a)\left(\frac{-2}{3}\right)^4 = \frac{(-2)^4}{3^4} = \frac{16}{81}$

b)$\left(-1\frac{5}{7}\right)^2 = \left(\frac{-12}{7}\right)^2 = \frac{(-12)^2}{7^2} = \frac{144}{49}$

$d)(0,4)^4 = \left(\frac{4}{10}\right)^4 = \left(\frac{2}{5}\right)^4 = \frac{2^4}{5^4} = \frac{16}{625}$

Bài 2. Tính

a) $\left(\frac{-2}{3}\right).\left(\frac{-2}{3}\right)^4$ $\quad$ c) $\left(\frac{1}{3}\right)^7 : \left(\frac{1}{3}\right)^4$

b) $\left(\frac{3}{4}\right)^4 . \left(\frac{8}{9}\right)^4$ $\quad$ d) $\frac{9^3.2^{11}}{16^2.3^7}$

Hướng dẫn

a) $\left(\frac{-2}{3}\right).\left(\frac{-2}{3}\right)^4 = \left(\frac{-2}{3}\right)^{1+4} = \left(\frac{-2}{3}\right)^5 = \frac{(-2)^5}{3^5} = \frac{-32}{243}$

b)$\left(\frac{3}{4}\right)^4 . \left(\frac{8}{9}\right)^4 = \left(\frac{3}{4}.\frac{8}{9}\right)^4 = \left(\frac{2}{3}\right)^4 = \frac{2^4}{3^4} = \frac{16}{81}$

c)$\left(\frac{1}{3}\right)^7 : \left(\frac{1}{3}\right)^4 = \left(\frac{1}{3}\right)^{7-4} = \left(\frac{1}{3}\right)^3 = \frac{1^3}{3^3} = \frac{1}{27}$

d) $\frac{9^3.2^{11}}{16^2.3^7} = \frac{\left(3^2\right)^3.2^{11}}{\left(2^4\right)^2.3^7} = \frac{3^6.2^{11}}{2^8.3^7} = \frac{1.2^3}{1.3^1} = \frac{8}{3}$

Bài 3. Tìm x

a)$\left(\frac{-5}{9}\right)^3 . x = \left(\frac{-5}{9}\right)^4$ $\quad$ b)$\left(\frac{3}{7}\right)^8 : x = \left(\frac{3}{7}\right)^8$

c) $x^3 = 8$

d) $(x+5)^3 = 27$

Hướng dẫn

a) $\left(\frac{-5}{9}\right)^3 . x = \left(\frac{-5}{9}\right)^4$

$x = \left(\frac{-5}{9}\right)^4 : \left(\frac{-5}{9}\right)^3$

$x = \left(\frac{-5}{9}\right)^1 = \frac{-5}{9}$

Vậy $x = \frac{-5}{9}$

c) $x^3 = 8$

$x^3 = 2^3$

$\Rightarrow x = 2$

Vậy $x = 2$

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1. Cho hình vẽ biết $\widehat{cAa'} = 120°$, $\widehat{ABb} = 60°$. Hai đường thẳng aa' và bb' có song song không? Vì sao?

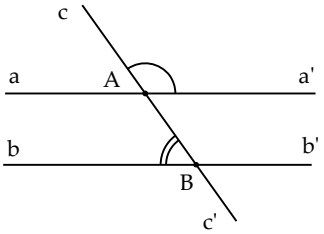

Điền vào chỗ chấm:

Ta có:

$\widehat{cAa'} = \widehat{aAB} = ...$ (vì 2 $\widehat{cAa'}; \widehat{aAB}$ .....)

Ta có:

$\widehat{aAB} + \widehat{ABb} = ... + ... = ...$

Mà $\widehat{aAB}$; $\widehat{ABb}$ nằm .....

Nên .....

Bài 2. Cho hình vẽ. Biết hai đường thẳng đi qua A và B song song và $\widehat{A_2} = \widehat{B_4} = 75°$.

a) Kể tên các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị và các cặp góc trong cùng phía.

b) Tính các góc $\widehat{A_1}; \widehat{A_4}; \widehat{B_1}; \widehat{B_2}$.

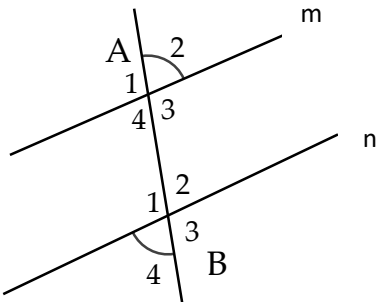

Hướng dẫn:

a) Tự làm

b) Ta có: $\widehat{A_1} + \widehat{A_2} = 180^0$ (hai góc kề bù)

$\widehat{A_1} + 75^0 = 180^0$

$\widehat{A_1} = 180^0 - 75^0 = 105^0$

Vậy $\widehat{A_1} = 105^0$

Ta có: $\widehat{B_4} + \widehat{B_1} = 180^0$ (hai góc kề bù)

$75^0 + \widehat{B_1} = 180^0$

$\widehat{B_1} = 180^0 - 75^0 = 105^0$

Vậy $\widehat{B_1} = 105^0$

Tương tự: tính các góc còn lại

Bài 3. Với hình vẽ bên cho biết a //b và $\widehat{A_2} = \widehat{B_2}$. Giải thích rằng

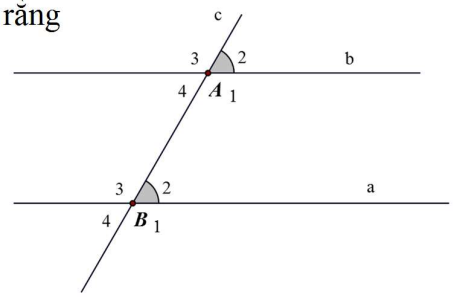

a) $\widehat{A_4} = \widehat{B_2}$; $\widehat{A_1} = \widehat{B_3}$

b) $\widehat{A_3} = \widehat{B_3}$; $\widehat{A_1} = \widehat{B_1}$; $\widehat{A_4} = \widehat{B_4}$

c) $\widehat{A_1} + \widehat{B_2} = 180^0$; $\widehat{A_4} + \widehat{B_3} = 180^0$

Hướng dẫn:

a) Ta có: $\widehat{A_4} = \widehat{B_2}$ (hai góc đối đỉnh)

$\widehat{A_1} = \widehat{B_3}$ (……)

Câu b, c tự làm

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TOÁN

ĐẠI SỐ KHỐI 7

(Từ ngày 27/9/2021 đến ngày 02/10/2021)

TIẾT 7: LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ (tiếp)

A. LÝ THUYẾT

4. Lũy thừa của một tích và một thương

Lũy thừa của một tích bằng tích các lũy thừa

$$(x \cdot y)^n = x^n \cdot y^n$$

Lũy thừa của một thương bằng thương các lũy thừa

$$\left(\frac{x}{y}\right)^n = \frac{x^n}{y^n} \quad (y \neq 0)$$

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1. Điền vào chỗ trống:

a) $16 = 2^{\square}$; b) $-\frac{27}{343} = \left(-\frac{3}{7}\right)^{\square}$; c) $0,0001 = (0,1)^{\square}$.

Bài 2. Tính:

a) $\left(\frac{3}{7} + \frac{1}{2}\right)^2$; b) $\left(\frac{3}{4} - \frac{5}{6}\right)^2$

TIẾT 8: LUYỆN TẬP LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ

A. NHẮC LẠI KIẾN THỨC

$x^m.x^n = x^{m+n}$ $\quad$ $x^m : x^n = x^{m-n}$ $\quad$ $\left(\frac{x}{y}\right)^m = \frac{x^m}{y^m}$

$\left(x^m\right)^n = x^{m.n}$ $\quad$ $\left(x.y\right)^m = x^m.y^m$

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1. Rút gọn và tính:

a) 4.4^3 $\quad$ c) $x^5 : x^2$ $\quad$ e) $\frac{4^2.4^3}{2^{10}}$ $\quad$ g) $\frac{2^{11}.9^2}{3^5.16^2}$

b) $\left(-\frac{1}{2}\right)^2.\left(-\frac{1}{2}\right)^4$ $\quad$ d) $(-2)^2.(-2)^3$ $\quad$ f) $\frac{9^5.9^7}{3^{22}}$ $\quad$ h) $\left[\left(-\frac{1}{27}\right)^0\right]^3$

i) $\left(\frac{1}{3}\right)^2.\left(\frac{1}{3}\right)$ $\quad$ k) $a^5.a^7$

Hướng dẫn

e) $\frac{4^2.4^3}{2^{10}}$

$= \frac{4^5}{2^{10}}$

$= \frac{\left(2^2\right)^5}{2^{10}}$

$= \frac{2^{10}}{2^{10}}$

$= 2^0 = 1$

g) $\frac{2^{11}.9^2}{3^5.16^2}$

$= \frac{2^{11}.\left(3^2\right)^2}{3^5.\left(2^4\right)^2}$

$= \frac{2^{11}.3^4}{3^5.2^8}$

$= \frac{2^3.1}{3^1.1}$

$= \frac{8.1}{3.1} = \frac{8}{3}$

Bài 2. Tìm x, biết:

a) $\left(\frac{1}{2}\right)^2.x = \left(\frac{1}{2}\right)^5$ $\quad$ b) $x : \left(-\frac{3}{5}\right)^2 = -\frac{3}{5}$ $\quad$ c) $\left(\frac{1}{3}\right)^3.x = \frac{1}{81}$

Bài 3. Tìm x, biết:

a) $2^x = 64$

$2^x = 2^6$

$\Rightarrow x = 6$

b) $5^x = 125$

c) $x^2 + 1 = 10$

$x^2 = 10 - 1$

$x^2 = 9$

$x^2 = 3^2$

$\Rightarrow x = 2$ *hay* $x = -2$

d) $x^4 = 81$

e) $(x+2)^3 = 64$

$(x+2)^3 = 4^3$

$\Rightarrow x + 2 = 4$

$x = 4 - 2$

$x = 2$

f) $(x+1)^5 = 32$

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TOÁN

HÌNH HỌC KHỐI 7

(Từ ngày 27/9/2021 đến ngày 02/10/2021)

LUYỆN TẬP HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Bài 1. Cho hình vẽ sau. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống (kề bù, đối đỉnh, so le trong, đồng vị, trong cùng phía).

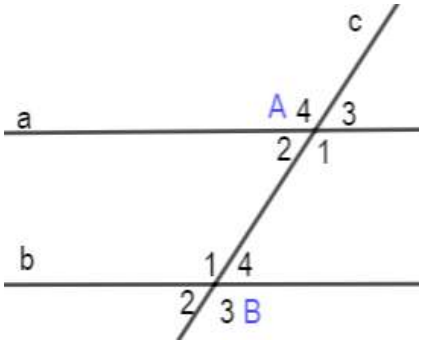

1) A_2 và B_4 là 2 góc .....

2) A_4 và B_1 là 2 góc .....

3) A_1 và B_4 là 2 góc .....

4) A_4 và A_1 là 2 góc .....

5) B_1 và B_4 là 2 góc .....

Bài 2. Kể tên các đường thẳng song song với nhau theo hình vẽ sau:

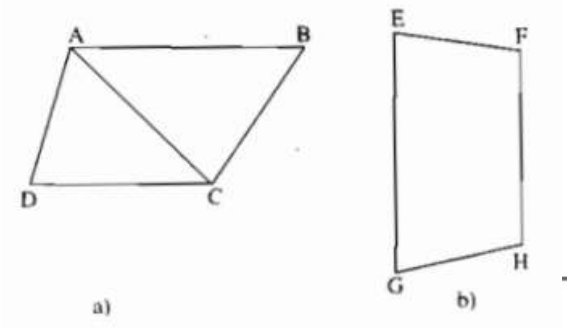

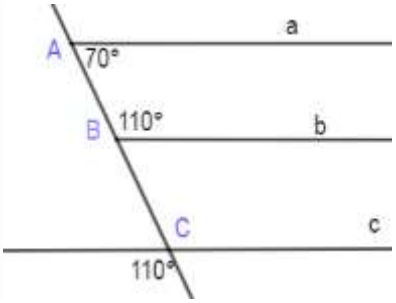

c)

Bài 3. Cho tam giác ABC. Hãy nêu cách vẽ giao điểm K của các đường thẳng m và n sao cho đường thẳng m đi qua A và song song với BC, đường thẳng n đi qua C và song song với AB.

Bài 4. Cho các điểm C nằm ngoài đường thẳng b. Vẽ đường thẳng a đi qua C sao cho a // b (Vẽ hai cách trên cùng một hình vẽ)

§5. TIÊN ĐỀ ƠCLIT VỀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

A. LÝ THUYẾT

1. Tiên đề Ơ-clit

Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

2. Tính chất của hai đường thẳng song song

Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì:

a) Hai góc so le trong bằng nhau.

b) Hai góc đồng vị bằng nhau.

c) Hai góc trong cùng phía bù nhau.

Ví dụ:

Cho hình vẽ.

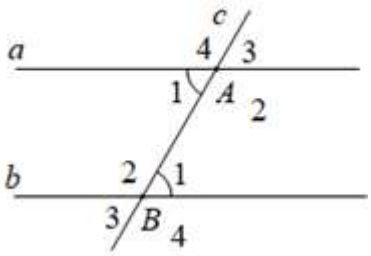

Nếu a // b thì:
$$\begin{cases} A_1 = B_1 & \text{(Hai góc so le trong)} \\ B_1 = A_3 & \text{(Hai góc đồng vị)} \\ A_1 + B_2 = 180^0 & \text{(Hai góc trong cùng phía)} \end{cases}$$

B. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài 1. Cho hình vẽ. Chứng tỏ g // h.

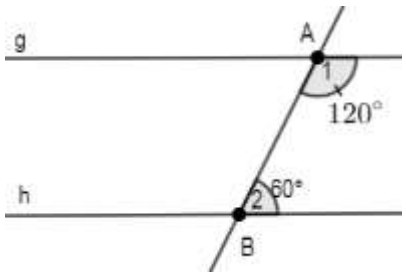

Bài 34/94 SGK Cho hình vẽ, biết a//b và $\hat{A}_4 = 37^o$

a) Tính $\hat{B}_1$?

b) So sánh $\hat{A}_1$ và $\hat{B}_4$?

c) Tính $\hat{B}_2$?

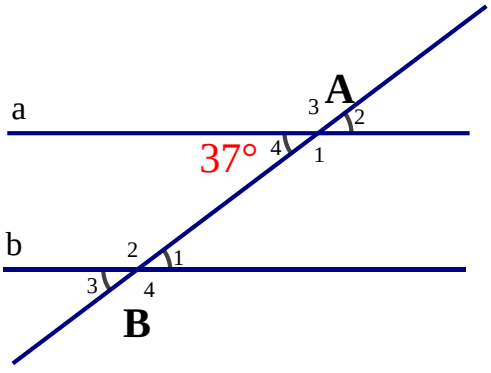

Bài 2. Cho hình vẽ.

1) Chứng minh m // n

2) Tính số đo các góc $A_1; A_2; A_3; C_1; C_2; C_4$

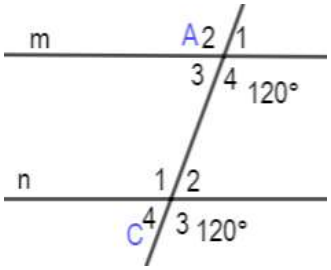

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:
Nguyễn Thị Trang SĐT: 0969830448

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7
(Từ ngày 27/9/2021 đến 02/10/2021)

A. LÝ THUYẾT:

Nội dung 3: CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

1. Sự hình thành các vương quốc chính ở Đông Nam Á:
***Điều kiện tự nhiên**
- Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn, hiện nay gồm 11 nước.
- Điều kiện tự nhiên:
+ Chịu ảnh hưởng của gió mùa
+ Khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa
* **Các vương quốc cổ Đông Nam Á:** Vương quốc Chăm pa, vương quốc Phù Nam; Các vương quốc ở hạ lưu sông Mê Nam và trên các đảo của Inđônêxia.
2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á:
(Hướng dẫn HS lập bảng niên biểu)
- Từ TK X → đầu TK XVIII là quá trình mở rộng, thống nhất lãnh thổ và đạt nhiều thành tựu văn hóa.
- Một số quốc gia hình thành và phát triển :
+ In-đô nê-xi-a : vương triều Mô-giô-pa-hit (1213 – 1527)
+ Việt Nam : Đại Việt và Cham-pa
+ Cam-pu-chia : thời kì Ăng-co
+ Thái Lan : vương quốc Su-khô-thay (TK XIII)
+ Lào: vương quốc Lạn Xạng
- Nửa sau TK XVIII các quốc gia phong kiến Đông Nam Á suy yếu, giữa TK XIX trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG:

PHIẾU HỌC TẬP
NỘI DUNG 3: CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

CÂU 1:
Dựa vào lược đồ hãy xác định và kể tên các nước Đông Nam Á hiện nay?

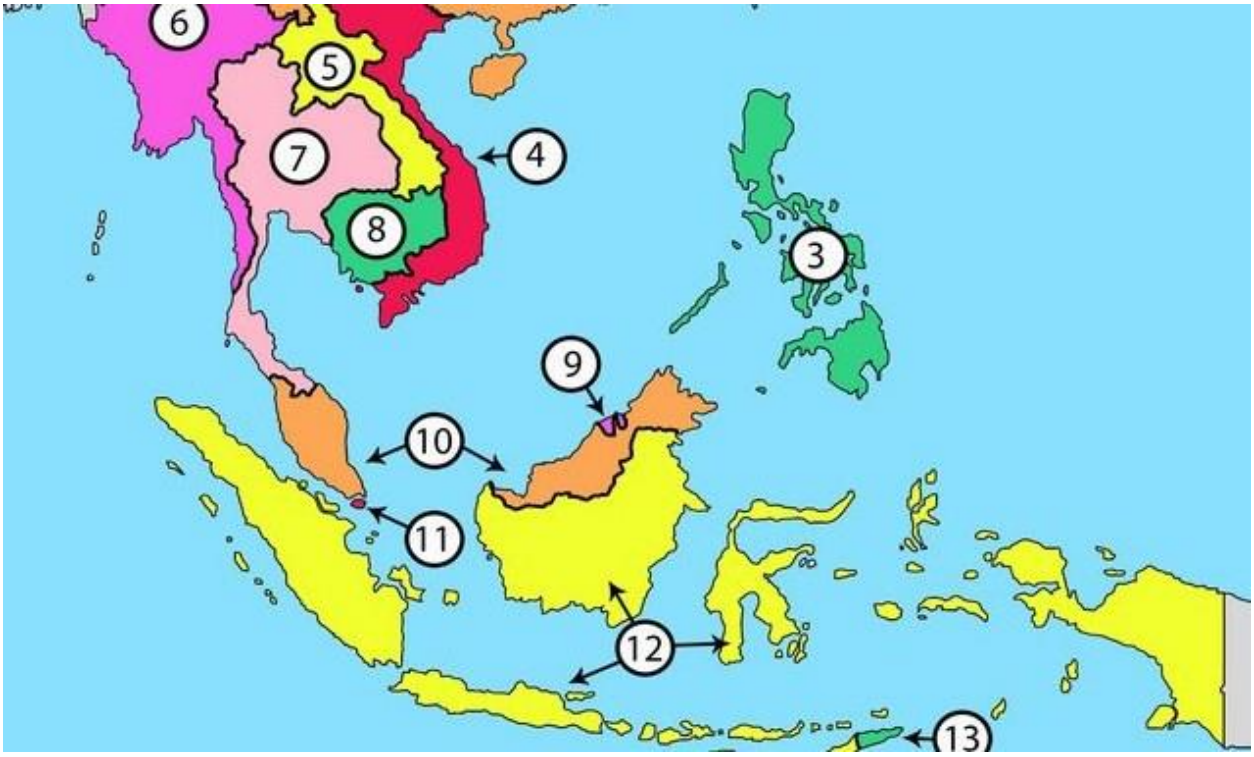

4:…….. **5……**
6……..... **7……**
8…… **9……**
10…… **11……..**
12…… **13……**

CÂU 2:

Ở Đông Nam Á, trong khoảng thời gian từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X đã có một số quốc gia nhỏ hình thành và phát triển. Em hãy điền vào bảng sau:

Tên quốc gia	Địa điểm	Thời gian tồn tại

CÂU 3:

Đông Nam Á là một khu vực địa lí có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên cũng như về các loại cây trồng. Em hãy đánh dấu X vào ô trống đầu câu mà em cho là sai:

☐ Chịu ảnh hưởng của gió mùa

☐ Có hai mùa rõ rệt: mùa khô lạnh, mát; mùa mưa nóng.

☐ Trồng nhiều rau và nhiều loại cây ăn củ, ăn quả.

☐ Có cả lúa mạch, cao lương.

CÂU 4:

Trình bày sự hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII, theo các khu vực sau:

- Ở In-đô-nê-xi-a:

……
……
……

- Ở bán đảo Đông Dương

……
……
……

- Vùng dọc theo sông Mê Công

……
……
……
……

C. DẶN DÒ:

- HỌC THUỘC NỘI DUNG 2

- HOÀN THÀNH PHẦN PHIẾU BÀI TẬP

- ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Thầy Phách: 0908787875

Cô Hằng: 0981678786

Thầy Chính: 0967293940

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGỮ VĂN

MÔN NGỮ VĂN KHỐI 7

(Từ ngày 27/09/2021-02/10/2021)

Văn bản :
NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN - NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

I. Đọc- hiểu chú thích:

* Ca dao than thân:
- Hiện thực về đời sống của người lao động dưới chế độ cũ: Nghèo khó, vất vả, bị áp bức…
- Những câu hát than thân thể hiện nỗi niềm tâm sự của tầng lớp nông dân trong xã hội phong kiến xưa.

* Ca dao châm biếm: phản ánh những hiện tượng bất bình thường trong cuộc sống, có ý nghĩa châm biếm.

II. Đọc -hiểu văn bản:

a. Bài ca dao số 2: (SGK/48)
- Lời người lao động thương cho thân phận những người khốn cùng và cũng là chính mình.
- Điệp từ: thương thay
→Tô đậm nỗi thương cảm xót xa, sự đồng cảm sâu sắc cho những cuộc đời cay đắng,vất vả, lận đận.
- Phép đối, từ láy gợi tả.
- Hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng:
+ **Con tằm**: Thân phận suốt đời bị kẻ khác bòn rút sức lực
+ **Con kiến**: vất vả, xuôi ngược làm lụng mà vẫn nghèo khó.
+ **Con hạc:** Liên tưởng đến cuộc đời phiêu bạt lân đận với những cố gắng vô vọng.
+ **Con cuốc**: số phận thấp cổ, bé họng, oan trái.
→ Nỗi khổ nhiều bề của thân phận những người lao động trong xã hội cũ
b. Bài ca dao số 1: (SGK/51)

Giới thiệu chân dung chú tôi:

- Hay tửu hay tăm

- Hay nước chè đặc

- Hay nằm ngủ trưa
- Ước ngày mưa
- Đêm thừa trống canh

-> Phép liệt kê, từ ngữ mỉa mai, nói ngược, giọng điệu nhẹ nhàng, châm biếm nhân vật chú tôi.

=> Chế giễu hạng người lười biếng, nghiện ngập.

III. Ghi nhớ (SGK – 49, 53)

IV.Luyện tập:

.....

TỪ LÁY

I.Tìm hiểu bài:

1.Các loại từ láy:

* **VD: (SGK/41)**

- đăm đăm: các tiếng lặp lại hoàn toàn

-> láy toàn bộ.

- mếu máo: lặp lại phụ âm đầu.
- liêu xiêu: lặp lại phần vần.

-> láy bộ phận.

=> Có 2 loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.

* Lưu ý:

- bần bật, thăm thẳm **: từ láy toàn bộ (có biến đổi về thanh điệu và âm cuối để thuận miệng, nghe êm tai.**

2. Nghĩa của từ láy:

*** VD** :

- Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu

→ mô phỏng âm thanh

=> Nghĩa của tử láy tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng

- Lí nhí, li ti, ti hí

Âm thanh: Láy lại nguyên âm "i" độ mở bé nhất, âm lượng nhỏ. Có mối tương quan giữa khuôn vần với nghĩa.

-> Nghĩa những sự vật, sự việc nhỏ bé, nhỏ nhẹ...

- **Nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh**
- Âm thanh: láy lại phụ âm đầu. Tiếng có nghĩa làm tiếng gốc.

-> Nghĩa biểu thị trạng thái vận động xuống, lên liên tiếp, khi phồng khi xẹp khi nổi khi chìm...

=> Nghĩa của từ láy tạo thành nhờ đặc sự hoà âm phối thanh giữa các tiếng.

- **Mềm mại**: Sắc thái biểu cảm hơn so với tiếng gốc **mềm.**

=> Nghĩa của từ láy có sắc thái biểu cảm
- **Đo đỏ**: Sắc thái nghĩa giảm nhẹ (nhạt hơn) so với tiếng gốc **đỏ**.
→Nghĩa của từ láy có sắc thái giảm nhẹ hoặ nhấn mạnh...

II. Ghi nhớ :(SGK-42)

III. Luyện tập:

Bài tập 1

Từ láy toàn bộ: **Bần bật, thăm thẳm, chiền chiện, chiêm chiếp**.

Từ láy bộ phận: **Nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, rực rỡ, nhảy nhót, nặng nề.**

Bài tập 4

VD:
- Cô ấy có dáng người nhỏ nhắn, trông thật dễ thương.
- Cậu đừng nghĩ những chuyện nhỏ nhặt ấy nữa.

Bài tập

Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên vào lớp 7, có sử dụng từ láy và từ ghép, gạch chân dưới các từ đó.

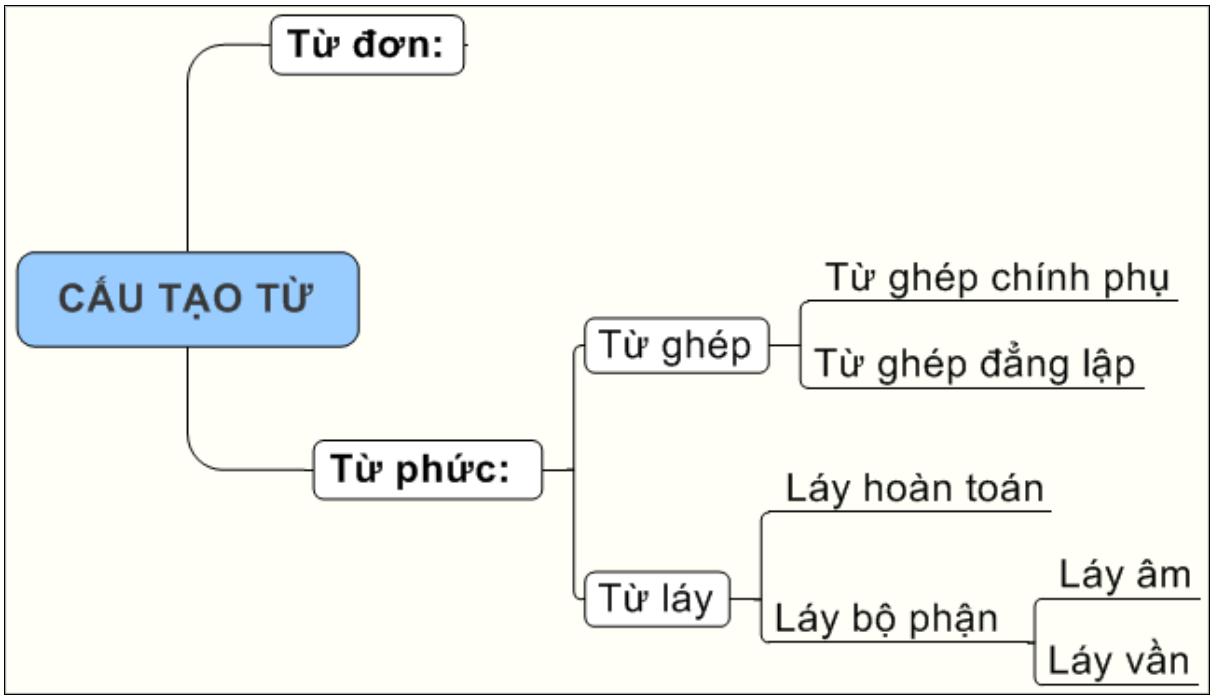

.....

ĐẠI TỪ

I. Tìm hiểu bài:

1. Thế nào là đại từ?

*** VD: (SGK/54)**

Câu	Từ in đậm	Ý nghĩa của từ	Chức vụ ngữ pháp
a	**Nó**	trỏ người (em tôi)	Chủ ngữ
b	**Nó**	trỏ vật (con gà trống)	Phụ ngữ của danh từ (định ngữ)
c	**Thế**	Thế: trỏ sự việc (đem chia đồ chơi)	Phụ ngữ của ĐT "nghe"(bổ ngữ)
d	**Ai**	Dùng để hỏi	Chủ ngữ

-> Đại từ là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất… được nói đến trong một ngữ cảnh của lời nói hoặc dùng để hỏi.

2. Các loại đại từ:

a. Đại từ để trỏ:

*** VD: (SGK/55)**

- Chúng tôi, chúng tao, tao, tôi, nó...

-> Trỏ người, sự vật .

- Bấy, bấy nhiêu ...

-> Trỏ số lượng.

- Vậy, thế ...

-> Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

b. Đại từ để hỏi:

*** VD: (SGK/56)**

a. Ai, gì, nào... -> Hỏi về người, sự vật.

b. Bao nhiêu, mấy... -> Hỏi về số lượng.

c. Sao, thế nào ... -> Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

II. Ghi nhớ: **(SGK/55, 56).**

III. Luyện tập :

Câu 1 : a.

Số / Ngôi	Số ít	Số nhiều
1	Tôi, tao, tớ, mình	chúng tôi, chúng tao, chúng tớ
2	mày, mi, cậu, bạn	chúng mày, bọn mi, các bạn
3	nó, hắn, y	chúng nó, bọn hắn, họ

- Ngôi 1 là ngôi của người nói.
- Ngôi 2 là ngôi của người đang giao tiếp với mình.
- Ngôi 3 là ngôi chỉ người hoặc sự vật được nói tới mà không có mặt trong thời điểm nói.
- Số ít chỉ gồm 1 sự vật.
- Số nhiều chỉ từ 2 sự vật trở lên.

Văn bản :

SÔNG NÚI NƯỚC NAM
(Nam quốc sơn hà – Lý Thường Kiệt ?)

I. Đọc- hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Chưa rõ.
- Sau này nhiều sách ghi là Lý Thường Kiệt (danh tướng thời Lí).

2. Tác phẩm:

- Nguyên tác chữ Hán.
- Ra đời trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống - Thời Lí.
- Viết để khích lệ, động viên tướng sĩ quyết chiến quyết thắng giặc Tống xâm lược.
- Được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất.
- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt (4 câu,7 chữ).

+ 4 câu mỗi câu 7 chữ
+ Hiệp vần cuối câu 1,2,4 hoặc 2,4.

- Nhịp: 4/3.

- Bố cục: chặt chẽ, rõ ràng, lô gic.
Gồm 2 phần:
+ Hai câu đầu: Tuyên bố chủ quyền.
+ Hai câu cuối: Khẳng định chiến thắng.

II. Đọc hiểu văn bản :

1. Hai câu thơ đầu:

- Dùng với ý tôn vinh vua nước Nam.
- Bằng ngôn ngữ trang trọng, ý thơ đanh thép.

=> Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của đất nước:
+ Nước Nam là của người Nam -> Khẳng định ý thức độc lập, bình đẳng, tự cường ngang hàng, không phụ thuộc vào nước lớn.
+ Sự phân phận, lãnh thổ đó được ghi ở "thiên thư"
-> Chủ quyền lãnh thổ của dân tộc Việt Nam là một điều hiển nhiên, rõ ràng, không thể khác. Đó là chân lí hợp đạo trời, thuận lòng người.

2. Hai câu cuối:

- một câu dùng để hỏi, một câu dùng để khẳng định
- Thái độ rõ ràng, quyết liệt: coi kẻ xâm lược là " nghịch lỗ".
- Cảnh báo, chỉ sự thất bại nhục nhã của quân xâm lược.

→ Khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm chiến thắng kẻ thù bảo vệ Tổ quốc ,bảo vệ độc lập dân tộc

II.Ghi nhớ: (SGK - 65)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN HỌ TÊN: LỚP:

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI HỌC: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN- NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM, TỪ LÁY , ĐẠI TỪ, SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Hoạt động 1: HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

1. “ Sông núi nước Nam” được coi như là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta viết bằng thơ ? Vậy thế nào là một Tuyên ngôn Độc lập? Nội dung của Tuyên ngôn Độc lập này là gì? .

---

2. Từ việc đọc và tìm hiểu văn bản, em hãy nêu suy nghĩ của em về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ quê hương đất nước.

Hoạt động 2: THỰC HÀNH TIÊNG VIỆT – TẬP LÀM VĂN

1. Tìm 5 từ láy tượng hình và 5 từ láy tượng thanh

---

2. Có mấy loại đại từ ? Cho ví dụ của từng loại?

……
……
……
……

3. Viết đoạn văn (từ 8-10 câu) bày tỏ những tình cảm của mình với mái ấm gia đình thân thương.

……

Cô Nhung: 0937275455

Cô Phan Thủy: 0977345871

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355